TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **341**/2023/DSST
Ngày: 24/8/2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Thuần;

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày **24** tháng **8** năm **2023** tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 145/TLST-DS ngày 07/4/2023 về tranh chấp "hợp đồng vay". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/QĐXXST-DS ngày 28/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 191/2023/HPTDS-ST ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Võ Tấn A**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Mai Thị Kim C, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện Z, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Tấn A ủy qyền cho chị Nguyễn Thị Huỳnh D trình bày:

Ông A có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C mượn nhiều lần tiền còn nợ, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/02/2019 âm lịch (tức ngày 29/3/2019 dương lịch), ông A cho vợ chồng ông B và bà Kim C mượn 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Khi mượn tiền ông B có ký tên và viết họ tên vào "Cam kết" có nội dung mượn ông A 60.000.000 đồng và hẹn trong vòng 60 ngày sẽ trả lại tiền.

+ Ngày 28/5/2019, ông A cho vợ chồng ông B và bà Kim C mượn tiếp 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Khi mượn tiền vợ chồng ông B và bà

Kim C có ký tên vào Giấy nợ có nội dung mượn ông A 60.000.000 đồng và hẹn 30 ngày sẽ trả lại tiền.

+ Ngày 30/6/2019, ông A cho vợ chồng ông B và bà Kim C mượn tiếp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi mượn tiền vợ chồng ông B và bà Kim C có ký tên và viết họ tên vào "Cam kết" có nội dung mượn ông A 50.000.000 đồng và hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả lại tiền.

Đối với số tiền lãi được ghi trong biên nhận ngày 28/5/2019 là 35.400.000 đồng, nhưng thực tế không có nhận khoản tiền này.

Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C liên đới trả cho anh A số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực.

*Bị đơn trình bày: Ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C thống nhất trình bày: Chúng tôi chỉ có nợ nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng theo biên nhận ngày 30/6/2019.

Lần thứ nhất, không nhớ rõ ngày tháng năm 2019, chúng tôi có mượn ông A 50.000.000 đồng.

Lần thứ hai, khoảng 01 tháng sau thì chúng tôi có đến mượn thêm nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng.Tổng số tiền nợ là 60.000.000 đồng. Mỗi khi chúng tôi đến mượn tiền thì nguyên đơn ông A sẽ viết 01 biên nhận mới nên không thu lại biên nhận cũ.

Chúng tôi xác định chỉ nợ số tiền 60.000.000 đồng và từ khi vay đến nay có trả số tiền lãi là 17.000.000 đồng nhưng không ghi vào biên nhận nên không đồng ý trả số tiền 170.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh D trình bày: Do ông B, bà C thuê đất trồng dưa hấu gần nhà ông A nên có mối quan hệ quen biết nên mới cho ông Hia, bà C mượn tiền làm vốn trồng dưa, đến khi thu hoạch dưa do ông B, bà C thua lỗ nhiều lần nên ông A nhiều lần cho vợ chồng ông B, bà C mượn để tiếp tục trồng dưa bán trả tiền cho ông A, nhưng khi thu hoạch dưa vợ chồng ông B, bà C vẫn không trả, ông A có đòi nhiều lần vẫn không trả. Việc cho mượn tiền có thỏa thuận khi trả số tiền trên sẽ trả luôn lãi 35.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả vốn, lãi. Nay ông A chỉ đòi lại số tiền vay không yêu cầu vợ chồng ông B, bà C trả lãi.

Bị đơn ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn A yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 170.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "hợp đồng vay" theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B, bà C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn A; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ vào 03 biên nhận nợ:

+ Biên nhận có tên gọi " Cam kết" với nội dung; Ngày 24/02/2019 âm lịch ông A cho vợ chồng ông B và bà Kim C mượn 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Khi mượn tiền ông B có ký tên và viết họ tên vào "Cam kết" có nội dung mượn ông A 60.000.000 đồng và hẹn trong vòng 60 ngày sẽ trả lại tiền.

+ Biên nhận ngày 28/5/2019, ông A cho vợ chồng ông B và bà Kim C mượn tiếp 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng). Khi mượn tiền vợ chồng ông B và bà Kim C có ký tên vào Giấy nợ có nội dung mượn 60.000.000 đồng và lãi 35.400.000 đồng.

+ Biên nhận ngày 30/6/2019, ông A cho vợ chồng ông B và bà Kim C mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Khi mượn tiền vợ chồng ông B và bà Kim C có ký tên và viết họ tên vào "Cam kết" có nội dung mượn ông A 50.000.000 đồng và hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả lại tiền.

- Căn cứ vào 03 tờ biên nhận nợ nêu trên có đủ cơ sở xác định ông A với ông B, bà C có tham gia giao dịch hợp đồng vay với nhau, khi vay hai bên có lập biên nhận với nội dung ghi " Cam kết" và có ký tên xác nhận nợ nợ của người vay. Phía ông B, bà C khai chỉ vay của ông A 02 lần tiền tổng cộng 60.000.000 đồng, mỗi lần vay thì ông A viết một biên nhận mới cộng dồn số tiền cũ và số tiền mới thành một biên nhận, nhưng do sơ suất nên mỗi lần vay tiền vợ chồng ông, bà không nhận lại biên nhận cũ sau khi cộng dồn cho biên nhận mới nên nay ông A dùng những biên nhận cũ để kiện vợ chồng ông bà tiếp nên ông bà không đồng ý trả.

Xét thấy, lời khai của vợ chồng ông B, bà C không có chứng cứ chứng minh, ông A không thừa nhận, các đương sự giao dịch vay tiền với nhau diễn ra nhiều lần và trong thời gian dài, nếu ông B, bà C cho rằng quên lấy lại biên nhận là không có cơ sở để tin.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông A và phù hợp qui định tại Điều 274 Bộ luật dân sự nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông A.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Ông A không yêu cầu tính lãi số tiền ông B, bà C còn nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Phía ông B, bà C cho rằng có trả số tiền nợ lãi 17.000.000 đồng nhưng phía ông A không thừa nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh.

[5 Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn A đòi ông Huỳnh Văn B và bà Mai Thị Kim C số tiền nợ vay 170.000.000 đồng. (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Buộc ông B, bà C liên đới trả cho ông Võ Tấn A số tiền nợ vay 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu ông B, bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Án phí: Buộc ông B, bà C liên đới chịu 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.